

Số: /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 1378/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ủy quyền cho Quyền Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia ký các văn bản giải quyết thủ tục hành chính về hoạt động đánh giá sự phù hợp; xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân; xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý chất lượng và Đánh giá sự phù hợp thuộc Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn Thông.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, 8 – Tòa nhà Cục Viễn thông, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.39436608 Fax: 024.37820998

E-mail: hdluong@vnta.gov.vn

Thực hiện việc **chứng nhận sản phẩm công nghệ thông tin và viễn thông theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng** (Danh sách sản phẩm, hàng hóa và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng tương ứng được chỉ định theo Phụ lục đính kèm Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực đến ngày 20 tháng 7 năm 2028.

Điều 3. Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn Thông có trách nhiệm thực hiện việc chứng nhận phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc Gia, Trưởng ban Ban Quản lý chất lượng và Đánh giá sự phù hợp, Giám đốc Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn Thông và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Xuân Định (để b/c);
- Chủ tịch Hà Minh Hiệp;
- Lưu: VT, TĐC (5).

**TUQ. BỘ TRƯỞNG
CHỦ TỊCH
ỦY BAN TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA**

Hà Minh Hiệp

Phụ lục
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH CHỨNG NHẬN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BKHCN ngày / /2025
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng	Phương thức đánh giá
1	Thiết bị điện thoại không dây (kéo dài thuê bao)	QCVN 10:2010/BTTTT	1, 5, 7
2	Thiết bị trạm gốc thông tin di động W-CDMA FDD	QCVN 16:2018/BTTTT	1, 5, 7
3	Thiết bị thông tin vô tuyến điện	QCVN 18:2022/BTTTT	1, 5, 7
4	Thiết bị đầu cuối kết nối mạng viễn thông và công nghệ thông tin	QCVN 22:2021/BTTTT	1, 5, 7
5	Thiết bị vô tuyến điều chế góc băng tần dân dụng 27 MHz	QCVN 23:2011/BTTTT	1, 5, 7
6	Thiết bị thu phát vô tuyến VHF của các trạm ven biển thuộc hệ thống GMDSS	QCVN 24:2011/BTTTT	1, 5, 7
7	Thiết bị vô tuyến điều chế đơn biên và/hoặc song biên băng tần dân dụng 27 MHz	QCVN 25:2011/BTTTT	1, 5, 7
8	Thiết bị điện thoại VHF hai chiều lắp đặt cố định trên tàu cứu nạn	QCVN 26:2011/BTTTT	1, 5, 7
9	Thiết bị trạm mặt đất Inmarsat-C sử dụng trên tàu biển	QCVN 28:2011/BTTTT	1, 5, 7
10	Thiết bị phát thanh quảng bá sử dụng kỹ thuật điều biên (AM)	QCVN 29:2011/BTTTT	1, 5, 7
11	Thiết bị phát thanh quảng bá sử dụng kỹ thuật điều tần (FM)	QCVN 30:2011/BTTTT	1, 5, 7
12	Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten liền dùng cho thoại tương tự	QCVN 37:2018/BTTTT	1, 5, 7
13	Thiết bị VSAT hoạt động trong băng tần C	QCVN 38:2011/BTTTT	1, 5, 7
14	Thiết bị VSAT hoạt động trong băng tần Ku	QCVN 39:2011/BTTTT	1, 5, 7
15	Trạm đầu cuối di động mặt đất của hệ thống thông tin di động toàn cầu qua vệ tinh phi địa tĩnh trong băng tần 1 - 3 GHz	QCVN 40:2011/BTTTT	1, 5, 7
16	Thiết bị trạm gốc thông tin di động GSM	QCVN 41:2016/BTTTT	1, 5, 7

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng	Phương thức đánh giá
17	Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten rời dùng cho truyền số liệu (và thoại)	QCVN 42:2011/BTTTT	1, 5, 7
18	Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten rời dùng cho thoại tương tự	QCVN 43:2011/BTTTT	1, 5, 7
19	Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten liền dùng cho truyền dữ liệu và thoại	QCVN 44:2018/BTTTT	1, 5, 7
20	Thiết bị thu phát vô tuyến điện	QCVN 47:2015/BTTTT	1, 5, 7
21	Thiết bị điện thoại VHF sử dụng trên phương tiện cứu sinh	QCVN 50:2020/BTTTT	1, 5, 7
22	Thiết bị điện thoại VHF sử dụng trên sông	QCVN 51:2011/BTTTT	1, 5, 7
23	Thiết bị điện thoại VHF sử dụng cho nghiệp vụ di động hàng hải	QCVN 52:2020/BTTTT	1, 5, 7
24	Thiết bị vi ba số điểm - điểm	QCVN 53:2017/BTTTT	1, 5, 7
25	Thiết bị truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz	QCVN 54:2020/BTTTT	1, 5, 7
26	Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần từ 9 kHz đến 25 MHz	QCVN 55:2023/BTTTT	1, 5, 7
27	Thiết bị vô tuyến nghiệp dư	QCVN 56:2011/BTTTT	1, 5, 7
28	Phao vô tuyến chỉ vị trí khẩn cấp hàng hải (EPIRB) hoạt động ở băng tần 406,0 MHz đến 406,1 MHz	QCVN 57:2018/BTTTT	1, 5, 7
29	Thiết bị gọi chọn số DSC	QCVN 58:2011/BTTTT	1, 5, 7
30	Điện thoại vô tuyến MF và HF	QCVN 59:2011/BTTTT	1, 5, 7
31	Bộ phát đáp ra đa tìm kiếm và cứu nạn hoạt động trong băng tần từ 9200 MHz đến 9500 MHz	QCVN 60:2011/BTTTT	1, 5, 7
32	Điện thoại vô tuyến UHF	QCVN 61:2011/BTTTT	1, 5, 7
33	Thiết bị Radiotelex sử dụng trong nghiệp vụ hàng hải	QCVN 62:2011/BTTTT	1, 5, 7
34	Thiết bị thu truyền hình số mặt đất DVB-T2	QCVN 63:2020/BTTTT	1, 5, 7
35	Thiết bị truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz	QCVN 65:2021/BTTTT	1, 5, 7
36	Thiết bị lặp thông tin di động W-CDMA FDD	QCVN 66:2018/BTTTT	1, 5, 7
37	Thiết bị trạm mặt đất Inmarsat F77 sử dụng trên tàu biển	QCVN 67:2013/BTTTT	1, 5, 7

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng	Phương thức đánh giá
38	Thiết bị trong hệ thống nhận dạng tự động AIS sử dụng trên tàu biển	QCVN 68:2013/BTTTT	1, 5, 7
39	Thiết bị truyền thanh không dây sử dụng kỹ thuật điều tần (FM) băng tần từ 54 MHz đến 68 MHz	QCVN 70:2013/BTTTT	1, 5, 7
40	Thiết bị trong hệ thống phân phối truyền hình cáp	QCVN 72:2013/BTTTT	1, 5, 7
41	Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 25 MHz - 1 GHz	QCVN 73:2013/BTTTT	1, 5, 7
42	Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 1 GHz đến 40 GHz	QCVN 74:2020/BTTTT	1, 5, 7
43	Thiết bị truyền dẫn dữ liệu tốc độ thấp dải tần 5,8 GHz ứng dụng trong lĩnh vực giao thông vận tải	QCVN 75:2013/BTTTT	1, 5, 7
44	Thiết bị truyền dẫn dữ liệu tốc độ cao dải tần 5,8 GHz ứng dụng trong lĩnh vực giao thông vận tải	QCVN 76:2013/BTTTT	1, 5, 7
45	Máy phát hình kỹ thuật số DVB-T2	QCVN 77:2013/BTTTT	1, 5, 7
46	Thiết bị đầu cuối và phụ trợ trong hệ thống thông tin di động GSM và DCS	QCVN 86:2019/BTTTT	1, 5, 7
47	Thiết bị truy nhập vô tuyến tốc độ cao băng tần 60 GHz	QCVN 88:2015/BTTTT	1, 5, 7
48	Thiết bị âm thanh không dây dải tần 25 MHz đến 2000 MHz	QCVN 91:2015/BTTTT	1, 5, 7
49	Thiết bị truyền hình ảnh số không dây dải tần từ 1,3 GHz đến 50 GHz	QCVN 92:2015/BTTTT	1, 5, 7
50	Thiết bị truyền hình ảnh số không dây	QCVN 93:2015/BTTTT	1, 5, 7
51	Thiết bị thông tin băng siêu rộng	QCVN 94:2015/BTTTT	1, 5, 7
52	Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần từ 9 kHz đến 40 GHz	QCVN 96:2015/BTTTT	1, 5, 7
53	Thiết bị truyền dẫn dữ liệu tốc độ trung bình dải tần 5,8 GHz ứng dụng trong lĩnh vực giao thông vận tải	QCVN 99:2015/BTTTT	1, 5, 7
54	Thiết bị trung kế vô tuyến điện mặt đất (TETRA)	QCVN 100:2015/BTTTT QCVN 100:2024/BTTTT	1, 5, 7
55	Thiết bị vô tuyến di động mặt đất	QCVN 100:2024/BTTTT	1, 5, 7
56	Pin lithium cho thiết bị cầm tay	QCVN 101:2020/BTTTT	1, 5, 7

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng	Phương thức đánh giá
57	Thiết bị trạm gốc, lắp và phụ trợ trong hệ thống thông tin di động GSM, W-CDMA FDD và LTE	QCVN 103:2016/BTTTT	1, 5, 7
58	Thiết bị chỉ góc hạ cánh trong hệ thống vô tuyến dẫn đường hàng không	QCVN 104:2016/BTTTT	1, 5, 7
59	Thiết bị vô tuyến trong nghiệp vụ di động hàng không băng tần 117,975 - 137 MHz dùng trên mặt đất sử dụng điều chế AM	QCVN 105:2016/BTTTT	1, 5, 7
60	Thiết bị vô tuyến trong nghiệp vụ di động hàng không băng tần 117,975 - 137 MHz dùng trên mặt đất	QCVN 106:2016/BTTTT	1, 5, 7
61	Thiết bị nhận dạng tự động phát báo tìm kiếm cứu nạn	QCVN 107:2016/BTTTT	1, 5, 7
62	Phao chỉ báo vị trí cá nhân hoạt động trên băng tần 406,0 MHz đến 406,1 MHz	QCVN 108:2016/BTTTT	1, 5, 7
63	Thiết bị trạm gốc thông tin di động E-UTRA	QCVN 110:2023/BTTTT	1, 5, 7
64	Thiết bị trạm lắp thông tin di động E-UTRA	QCVN 111:2023/BTTTT	1, 5, 7
65	Thiết bị vô tuyến truyền dữ liệu băng rộng	QCVN 112:2017/BTTTT	1, 5, 7
66	Thiết bị DECT	QCVN 113:2017/BTTTT	1, 5, 7
67	Thiết bị trạm mặt đất di động hoạt động trong băng tần Ku	QCVN 116:2017/BTTTT	1, 5, 7
68	Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất	QCVN 117:2020/BTTTT QCVN 117:2023/BTTTT	1, 5, 7
69	Thiết bị đa phương tiện	QCVN 118:2018/BTTTT	1, 5, 7
70	Thiết bị thông tin vô tuyến và dẫn đường hàng hải	QCVN 119:2019/BTTTT	1, 5, 7
71	Thiết bị vô tuyến mạng diện rộng công suất thấp (LPWAN) băng tần 920 MHz đến 923 MHz	QCVN 122:2020/BTTTT	1, 5, 7
72	Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 40 GHz đến 246 GHz	QCVN 123:2021/BTTTT	1, 5, 7
73	Thiết bị ra đa hoạt động trong dải tần 76 GHz đến 77 GHz dùng cho phương tiện vận tải mặt đất	QCVN 124:2021/BTTTT	1, 5, 7
74	Thiết bị đầu cuối mạng thông tin di động 5G độc lập	QCVN 127:2021/BTTTT	1, 5, 7
75	Thiết bị trạm gốc thông tin di động 5G	QCVN 128:2021/BTTTT	1, 5, 7

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng	Phương thức đánh giá
76	Thiết bị đầu cuối mạng thông tin di động 5G lai ghép	QCVN 129:2021/BTTTT	1, 5, 7
77	Thiết bị âm thanh không dây dải tần từ 25 MHz đến 2000 MHz	QCVN 130:2022/BTTTT	1, 5, 7
78	Thiết bị đầu cuối IoT băng hẹp E-UTRA	QCVN 131:2022/BTTTT	1, 5, 7
79	Thiết bị đầu cuối viễn thông và công nghệ thông tin	QCVN 132:2022/BTTTT	1, 5, 7
80	Thiết bị trạm gốc thông tin di động đa công nghệ NR và E-UTRA	QCVN 133:2024/BTTTT	1, 5, 7
81	Thiết bị vô tuyến cầm tay và đeo trên cơ thể người	QCVN 134:2024/BTTTT	1, 5, 7
82	Thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức Internet	QCVN 135:2024/BTTTT	1, 5, 7